

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHUYỂN ĐỔI SỐ KẾ TOÁN TẠI DOANH NGHIỆP XUẤT NHẬP KHẨU NHỎ VÀ VỪA TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**NGUYỄN THỊ HÂN HOAN**

Công ty TNHH AHT Industrial  
AHT Industrial Co., Ltd.  
hanhoan.qn@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/5/2026

Ngày sửa bài: 10/6/2026

Ngày duyệt đăng bài: 28/6/2026

## Tóm tắt:

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số (CDS) trong kế toán (KT) tại các doanh nghiệp xuất nhập khẩu (DNXNK) nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh. Bằng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, lấy định lượng làm trọng tâm, dữ liệu thu thập từ 350 phiếu khảo sát hợp lệ từ ban lãnh đạo, kế toán trưởng và kế toán viên. Kết quả chỉ ra 7 nhân tố có tác động tích cực đến CDS trong KT, gồm: An ninh và bảo mật dữ liệu ( $\beta = 0.357$ ); Năng lực nhân sự KT số ( $\beta = 0.161$ ); Nhận thức và cam kết của BLĐ ( $\beta = 0.147$ ); Chi phí đầu tư CDS ( $\beta = 0.140$ ); Hạ tầng và năng lực công nghệ ( $\beta = 0.103$ ); Áp lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế ( $\beta = 0.103$ ); và Chính sách hỗ trợ từ Chính phủ ( $\beta = 0.079$ ). Từ đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý quản trị nhằm giúp DNXNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh tối ưu hóa lộ trình KT số.

**Từ khóa:** chuyển đổi số trong kế toán, doanh nghiệp xuất nhập khẩu nhỏ và vừa, TP. Hồ Chí Minh.

## Factors affecting digital transformation in accounting at small and medium-sized import - export enterprises in Ho Chi Minh City

### Abstract:

This study identifies factors affecting digital transformation in accounting at small and medium-sized import - export enterprises in Ho Chi Minh City. A mixed-methods approach with a quantitative focus was employed using 350 valid responses from executives, chief accountants, and accounting staff. The findings identify seven factors with positive effects: data security and confidentiality, digital accounting personnel capabilities, management awareness and commitment, digital transformation investment costs, technological infrastructure and capabilities, competitive and international integration pressures, and government support policies. Data security and confidentiality exert the strongest influence, followed by digital accounting personnel capabilities and management commitment. The study proposes managerial implications concerning cybersecurity, workforce development, leadership commitment, technological investment, infrastructure improvement, and access to government support to help enterprises develop effective digital accounting roadmaps.

**Keywords:** digital transformation in accounting, small and medium-sized import - export enterprises, Ho Chi Minh City.

## 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, CDS trở thành xu hướng tất yếu đối với mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt trong quản trị DN. CDS trong KT là quá trình ứng dụng công nghệ số nhằm hiện đại hóa toàn bộ hoạt động kế toán, từ khâu thu thập, xử lý, lưu trữ dữ liệu đến lập báo cáo tài chính, phân tích thông tin và kết nối dữ liệu với các bên liên quan.

Đối với các DNXXNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh, yêu cầu CDS trong KT càng cấp thiết do đặc thù hoạt động gắn liền với môi trường kinh doanh quốc tế, các giao dịch xuyên biên giới và yêu cầu kết nối dữ liệu điện tử với nhiều chủ thể, như: ngân hàng, cơ quan hải quan, đối tác logistics và khách hàng quốc tế. Ngoài ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa và thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ, các DNXXNK không chỉ chịu áp lực cạnh tranh về giá cả và chất lượng dịch vụ mà còn phải đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về tốc độ xử lý giao dịch, tính minh bạch thông tin tài chính, khả năng truy xuất dữ liệu và chuẩn hóa hệ thống KT theo thông lệ quốc tế.

Tuy nhiên, mức độ CDS giữa các DN này có sự chênh lệch đáng kể. Một số đã bước đầu triển khai các phần mềm KT tích hợp, hệ thống ERP hoặc nền tảng quản trị số, trong khi số khác vẫn duy trì phương thức KT truyền thống, thiếu tính liên kết và tự động hóa. Điều này cho thấy cần nghiên cứu chuyên sâu nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình CDS trong KT làm cơ sở đề xuất giải pháp phù hợp với đặc điểm của nhóm DN này.

## 2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

CDS không đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà là quá trình thay đổi toàn diện về tư duy quản trị, mô hình hoạt động, quy trình vận hành và phương thức tạo ra giá trị dựa trên nền tảng công nghệ số.

KT là một trong những lĩnh vực chịu tác động mạnh mẽ nhất của quá trình CDS. Sự phát triển của công nghệ số đã làm thay đổi đáng kể phương thức ghi nhận, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin KT. Theo đó, CDS trong KT không chỉ bao gồm việc sử dụng phần mềm KT mà còn mở rộng sang việc tích hợp dữ liệu giữa các bộ phận, sử dụng hóa đơn điện tử, chữ ký số, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ phân tích dữ liệu nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định. Đồng nghĩa, trong môi trường số hóa, vai trò của KT đang dần chuyển từ chức năng ghi chép truyền thống sang chức năng phân tích dữ liệu, dự báo tài chính và hỗ trợ hoạch định chiến lược cho DN.

### 2.2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Qua tổng hợp lý thuyết và lược khảo các công trình nghiên cứu trước, mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 7 nhân tố độc lập tác động đến CDS trong KT của các DNXXNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh, gồm:

*Nhận thức và cam kết của Ban lãnh đạo (NTLD)*

Nhận thức và cam kết của Ban lãnh đạo (BLĐ) là một trong những yếu tố quyết định sự thành công của quá trình CDS trong DN. Bởi, BLĐ không chỉ đóng vai trò hoạch định chiến lược mà còn là nhân tố thúc đẩy đổi mới, phân bổ nguồn lực và xây dựng văn hóa chấp nhận công nghệ trong tổ chức. Nguyễn Thúy Hằng (2023) cho thấy thái độ và nhận thức của BLĐ là định hướng cho chiến lược CDS trong DN. Đối với các DNXXNK và vừa tại TP. Hồ Chí Minh, vai trò của BLĐ càng trở nên quan trọng do DN thường có quy mô tổ chức gọn nhẹ, quá trình ra quyết định phụ thuộc nhiều vào chủ DN hoặc ban điều hành. Nếu BLĐ có tầm nhìn chiến lược, sẵn sàng đổi mới và cam kết đầu tư cho công nghệ số thì quá trình CDS trong KT sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ hơn.

*Hạ tầng và năng lực công nghệ (HTCN)*

Theo Barney (1991), các nguồn lực công nghệ là yếu tố tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững cho DN.

Trong bối cảnh CDS, hạ tầng công nghệ gồm hệ thống phần mềm KT, máy chủ dữ liệu, nền tảng điện toán đám mây, hệ thống ERP và khả năng tích hợp dữ liệu giữa các bộ phận trong DN. Zhang & cộng sự (2022) chỉ ra, hạ tầng công nghệ đóng vai trò quyết định đối với thành công của CDS tại các DNNVV. Riêng đối với các DNXXNK, yêu cầu kết nối dữ liệu với ngân hàng, hải quan, logistics và đối tác quốc tế càng làm cho yếu tố công nghệ trở nên quan trọng hơn.

#### *Năng lực nhân sự kế toán số (NNL)*

Theo Venkatesh & cộng sự (2003), khả năng chấp nhận và sử dụng công nghệ của người dùng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai hệ thống CNTT trong tổ chức. Từ đó, năng lực của đội ngũ KT viên là yếu tố then chốt quyết định mức độ ứng dụng công nghệ trong KT. Bởi KT viên có trình độ công nghệ càng cao thì khả năng thích ứng với hệ thống KT số càng tốt. Nguyễn Thị Hồng Duyên & cộng sự (2023) khẳng định kỹ năng và thái độ của nhân viên KT ảnh hưởng tích cực đến CDS trong KT. Ngoài ra, Nguyễn Thị Thúy & Nguyễn Thị Thái An (2025) nhấn mạnh chất lượng nguồn nhân lực KT số là điều kiện cần thiết để DN khai thác hiệu quả các công nghệ, như: điện toán đám mây, dữ liệu lớn và hệ thống kế toán trực tuyến.

#### *Chi phí đầu tư CDS (CP)*

Chi phí đầu tư là rào cản lớn đối với CDS tại các DNNVV. Đặc biệt, việc triển khai CDS trong KT đòi hỏi DN phải đầu tư cho phần mềm KT, hạ tầng công nghệ, bảo mật dữ liệu, đào tạo nhân sự và chi phí duy trì hệ thống. Nguyễn Thị Thúy & Nguyễn Thị Thái An (2025) xác định các chi phí này là nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng CDS trong KT tại DN Việt Nam. Tương tự, Xin Zhang & cộng sự (2022) cho thấy, chi phí triển khai công nghệ là rào cản phổ biến đối với DNNVV trong quá trình CDS. Đối với các DNXXNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh, việc đầu tư cho CDS còn chịu áp lực từ chi phí logistics, biến động tỷ giá và cạnh tranh quốc tế, do đó yếu tố chi phí càng có ảnh hưởng rõ rệt.

#### *Chính sách hỗ trợ từ Chính phủ (CSHT)*

Chính sách hỗ trợ từ Chính phủ đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy DN thực hiện CDS. Cụ thể, các chính sách hỗ trợ về hạ tầng số, pháp lý, ưu đãi tài chính, thuế và đào tạo nguồn nhân lực sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho DN triển khai công nghệ số trong KT. Nguyễn Thị Hồng Duyên & cộng sự (2023) cho thấy, hỗ trợ từ Chính phủ có tác động tích cực đến CDS trong KT tại DN Việt Nam. Tương tự, Lê Ngọc Diệp & Trần Văn Hùng (2024) nhấn mạnh vai trò của khung pháp lý và chính sách hỗ trợ trong việc thúc đẩy DN ứng dụng công nghệ số. Ngoài ra, Quyết định số 749/QĐ-TTg về Chương trình CDS quốc gia đã tạo hành lang pháp lý quan trọng nhằm hỗ trợ DN thực hiện CDS trong nhiều lĩnh vực, trong đó có KT - tài chính.

#### *Áp lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế (ALCT)*

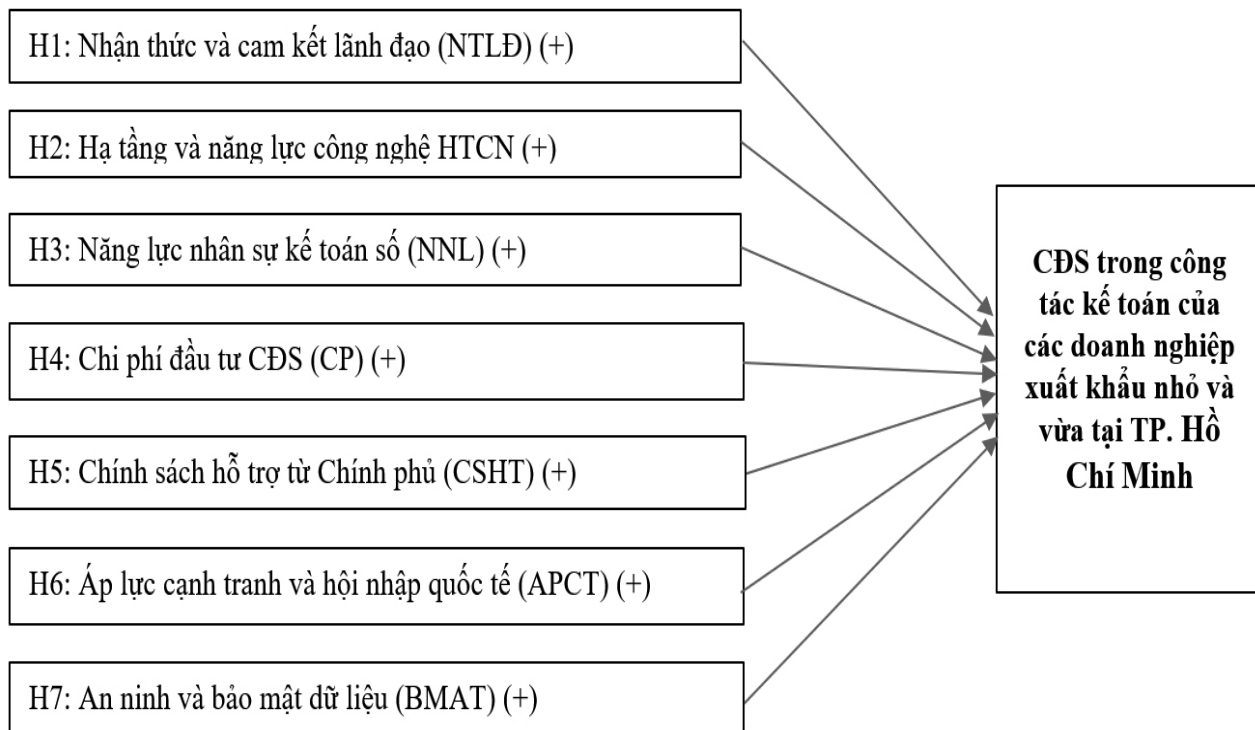
Theo Rogers (1962), DN có xu hướng chấp nhận đổi mới công nghệ khi chịu tác động từ môi trường cạnh tranh và yêu cầu thích ứng với sự thay đổi của thị trường. Trong lĩnh vực XNK, yêu cầu về minh bạch dữ liệu, tốc độ xử lý giao dịch và kết nối thông tin điện tử với đối tác quốc tế ngày một gia tăng, buộc DN phải hiện đại hóa hệ thống KT. Lê Việt Hà & Đặng Quốc Hữu (2023) chỉ ra áp lực hội nhập và cạnh tranh quốc tế là động lực quan trọng thúc đẩy DN logistics thực hiện CDS. Đối với DNXXNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh, áp lực cạnh tranh quốc tế, yêu cầu kết nối dữ liệu xuyên biên giới và tiêu chuẩn hóa thông tin tài chính là những yếu tố thúc đẩy DN đẩy mạnh CDS trong KT.

#### *An ninh và bảo mật dữ liệu (BMAT)*

Al-Hussaini (2019) cho thấy, các rủi ro về bảo mật thông tin và an ninh mạng là những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng công nghệ số trong KT. Oluyemi & cộng sự (2021) cũng nhấn mạnh DN sẽ có xu hướng tăng cường CDS khi hệ thống công nghệ có khả năng bảo vệ dữ liệu KT - tài chính và giảm thiểu rủi ro an ninh mạng. Nguyễn Thị Thúy & Nguyễn Thị Thái An (2025) xác định an ninh và bảo mật

dữ liệu là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến ứng dụng CDS trong KT tại DN Việt Nam. Với các DNXNK, dữ liệu KT - tài chính thường liên quan đến hợp đồng quốc tế, thanh toán ngân hàng, chứng từ hải quan và thông tin khách hàng nước ngoài. Do đó, yêu cầu bảo mật dữ liệu càng quan trọng hơn trong quá trình CDS trong KT.

**Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất**



*Nguồn: Tác giả tự đề xuất*

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp. 350 bảng hỏi được gửi qua Google Forms và trực tiếp đến cán bộ quản lý cấp cao và trung, gồm: BLĐ, kế toán trưởng và kế toán viên của các DNXNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh.

Mô hình nghiên cứu đề xuất:

$$\text{CDS} = \beta_0 + \beta_1 \times \text{NTLD} + \beta_2 \times \text{HTCN} + \beta_3 \times \text{NLL} + \beta_4 \times \text{CP} + \beta_5 \times \text{CSHT} + \beta_6 \times \text{ALCT} + \beta_7 \times \text{BMAT} + \varepsilon$$

Trong đó:

- Biến phụ thuộc: CDS trong KT tại các DNXNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh.
- Biến độc lập: NTLD, HTCN, NLL, CP, CSHT, ALCT, BMAT.
- $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_7$  là các hệ số hồi quy của mô hình.
- Hằng số:  $\beta_0$
- $\varepsilon$ : sai số

### 3. Kết quả và thảo luận nghiên cứu

Để đạt các mục tiêu nghiên cứu đề ra, tác giả đã kiểm định độ tin cậy các thang đo của biến độc lập và phụ thuộc, rút trích nhân tố theo EFA, kiểm tra mối quan hệ tương quan tuyến tính giữa biến độc lập và phụ thuộc cũng như giữa các biến độc lập với nhau, và từ đó đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính.

**Bảng 1. Đánh giá độ phù hợp của mô hình**

| Mô hình | Hệ số R           | Hệ số R <sup>2</sup> | Hệ số R <sup>2</sup> - hiệu chỉnh | Sai số chuẩn của ước lượng | Durbin-Watson |
|---------|-------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------|
| 1       | .753 <sup>a</sup> | .566                 | .558                              | .44338                     | 2.192         |

Nguồn: Dữ liệu khảo sát

R<sup>2</sup> điều chỉnh = 0.588 cho thấy 7 biến độc lập đưa vào mô hình giải thích 58,8% sự biến thiên của CDS trong KT tại các DN XNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh. Phần còn lại (41,2%) được giải thích bởi các yếu tố khác nằm ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

**Bảng 2. Kết quả phân tích hồi quy bội**

| Mô hình | Hệ số chưa chuẩn hóa |              | Hệ số chuẩn hóa | Giá trị T | Mức ý nghĩa Sig | Thông kê đa cộng tuyến |           |
|---------|----------------------|--------------|-----------------|-----------|-----------------|------------------------|-----------|
|         | B                    | Sai số chuẩn | Beta            |           |                 | Dung sai               | Hệ số VIF |
| Hằng số | -.565                | .224         |                 | -2.523    | .012            |                        |           |
| NTLD    | .170                 | .046         | .147            | 3.724     | .000            | .812                   | 1.231     |
| HTCN    | .123                 | .049         | .103            | 2.507     | .013            | .747                   | 1.338     |
| NNL     | .184                 | .046         | .161            | 4.008     | .000            | .787                   | 1.271     |
| CP      | .155                 | .046         | .140            | 3.381     | .001            | .741                   | 1.349     |
| CSHT    | .090                 | .044         | .079            | 2.061     | .040            | .864                   | 1.157     |
| ALCT    | .107                 | .049         | .103            | 2.179     | .030            | .566                   | 1.768     |
| BMAT    | .358                 | .050         | .357            | 7.208     | .000            | .518                   | 1.931     |

Nguồn: Dữ liệu khảo sát

Phương trình hồi quy tuyến tính các nhân tố tác động đến CDS trong KT của các DN XNK nhỏ và vừa tại TP. Hồ Chí Minh:

$$\text{CDS} = 0,357 \cdot \text{BMAT} + 0,161 \cdot \text{NNL} + 0,147 \cdot \text{NTLD} + 0,140 \cdot \text{CP} + 0,103 \cdot \text{HTCN} + 0,103 \cdot \text{ALCT} + 0,079 \cdot \text{CSHT} + e$$

Hàm ý quản trị được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu, theo thứ tự mức độ ảnh hưởng giảm dần, gồm 7 nhóm giải pháp:

- **BMAT:** DN cần ưu tiên đầu tư các giải pháp bảo mật dữ liệu, như: tường lửa, chống mã độc, sao lưu và mã hóa dữ liệu KT. Đồng thời, xây dựng quy trình quản lý dữ liệu, phân quyền truy cập hợp lý và nâng cao nhận thức của nhân viên về an ninh mạng nhằm giảm thiểu rủi ro.

- **NNL:** DN cần nâng cao năng lực số cho đội ngũ KT viên thông qua đào tạo về phần mềm KT, ERP, hóa đơn điện tử, phân tích dữ liệu và công nghệ mới; song song đó cần khuyến khích nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức và tăng khả năng thích ứng với môi trường số.

- **NTLD:** BLĐ cần xem CDS là chiến lược dài hạn, xây dựng lộ trình triển khai, bố trí nguồn lực phù hợp, cập nhật xu hướng công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong tổ chức.

- **CP:** DN cũng cần xây dựng kế hoạch đầu tư theo lộ trình, ưu tiên các giải pháp mang lại hiệu quả cao và thường xuyên đánh giá hiệu quả đầu tư để tối ưu chi phí CDS.

- **HTCN:** DN cần nâng cấp hạ tầng CNTT, hiện đại hóa hệ thống KT, xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung và tăng cường kết nối dữ liệu giữa các bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị.

- **ALCT:** DN cần đẩy mạnh số hóa quy trình KT, nâng cao chất lượng thông tin KT - tài chính và ứng dụng công nghệ để cải thiện hiệu quả quản lý, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- **CSHT:** DN cần tận dụng các chính sách hỗ trợ CDS, tăng cường hợp tác với cơ quan quản lý, hiệp hội và các tổ chức hỗ trợ để tiếp cận hiệu quả các nguồn lực phục vụ CDS trong KT.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu đã xác định và kiểm định mức độ tác động của 7 nhân tố đến quá trình chuyển đổi số trong công tác kế toán của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong kế toán, đồng thời cung cấp bằng chứng thực nghiệm về các nhân tố ảnh hưởng trong bối cảnh doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cung cấp căn cứ khoa học giúp các nhà quản trị nhận diện các yếu tố có tác động trọng yếu, ưu tiên phân bổ nguồn lực, hoàn thiện hạ tầng công nghệ, nâng cao năng lực nhân sự và xây dựng lộ trình chuyển đổi số phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Đồng thời, kết quả nghiên cứu cũng là cơ sở tham khảo cho các cơ quan quản lý trong việc xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế số ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Lê Ngọc Diệp, Trần Văn Hùng. (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa. *Tạp chí Tài chính*, 9, 45-52.

Nguyễn Thị Hồng Duyên, Trần Thị Minh Ngọc, Phạm Quốc Khánh. (2023). Các nhân tố tác động đến chuyển đổi số kế toán tại doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam. *Tạp chí Kế toán và Kiểm toán*, 7, 28-36.

Nguyễn Thị Thúy, Nguyễn Thị Thái An. (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến ứng dụng chuyển đổi số trong kế toán tại doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam. *Tạp chí điện tử Khoa học và Công nghệ Giao thông*, 5(3), 126-135. <https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2025.vn.5.3.126-135>

Nguyễn Thúy Hằng. (2023). Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ sẵn sàng chuyển đổi số trong công tác kế toán. *Tạp chí Công Thương*. Số 2 tháng 1.

Lê Việt Hà, Đặng Quốc Hữu. (2023). The Factors Affecting Digital Transformation in Vietnam Logistics Enterprises. *Electronics*, 12(8), 1825. DOI: 10.3390/electronics12081825.

Al-Hussaini, A. (2019). Factors influencing digital accounting adoption in the Middle East. *Journal of Accounting Technology*, 11(1), 22-39.

Barney, J. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120.

Oluyemi, S. O., Adebayo, O. P., & Adeyemi, S. L. (2021). Impact of digital transformation on accounting practice in emerging markets. *Journal of Accounting and Emerging Technologies*, 4(2), 77-95.

Rogers, E. M. (1962). *Diffusion of Innovations*. Free Press.

Venkatesh, V., Morris, M. G., Davis, G. B., & Davis, F. D. (2003). User Acceptance of Information Technology: Toward a Unified View. *MIS Quarterly*.

Xin Zhang, Yaoyu Xu & Liang Ma (2022). Research on Successful Factors and Influencing Mechanism of the Digital Transformation in SMEs. *Sustainability*, 14(5), 2549. <https://doi.org/10.3390/su14052549>.